

**SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BV-KD

Hà Giang, ngày tháng năm 2023

V/v đề nghị báo giá các Hóa chất xét nghiệm, Vật tư y tế, Sinh phẩm y tế - Hóa chất và vật tư y tế khác phục vụ kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng Hóa chất xét nghiệm, Vật tư y tế, Sinh phẩm y tế - Hóa chất và vật tư y tế khác năm 2023 - 2024

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh Hóa chất xét nghiệm, Vật tư y tế, Sinh phẩm y tế - Hóa chất và vật tư y tế khác.

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH-13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC, ngày 31/05/2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Thông tư 08/2023/TT-BYT ngày 14/4/2023 Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Công văn số 769/SYT-NVD ngày 13/4/2023 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm năm 2023 - 2024;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng Hóa chất xét nghiệm, Vật tư y tế, Sinh phẩm y tế - Hóa chất và vật tư y tế khác năm 2023 - 2024 để sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang (Có Phụ lục kèm theo). Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện đề nghị các công ty cung cấp báo giá của hàng hóa trên (theo mẫu báo giá kèm theo).

- Thời gian báo giá: Trước 11h00 ngày 28/4/2023.

- Hình thức nhận báo giá:

+ Báo giá bằng văn bản, có chữ ký, họ tên, chức danh của người đại diện và đóng dấu công ty gửi về địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà

Giang, Tổ 10 Phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang. Điện thoại:
0976.334.981.

+ Bản file mềm gửi vào địa chỉ mail:
Khoaduocbvdktinghagiang@gmail.com.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng TTĐT Sở Y tế;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Văn

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BV-KD ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Công ty:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Email:.....
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ
HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		1. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm đông máu 1										
1	G01.001	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian prothrombin (PT) và định lượng fibrinogen					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
2	G01.002	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen					Hộp					
3	G01.003	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian APTT					Hộp					
4	G01.004	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride					Hộp					
5	G01.005	Vật chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm đông máu					Hộp					
6	G01.006	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần Acid clohydric					Hộp					
7	G01.007	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu. Thành phần dung dịch natri hypoclorit					Hộp					
8	G01.008	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm đông máu					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
9	G01.009	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian thrombin					Hộp					
		2. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm đông máu 2										
10	G01.010	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian prothrombin (PT)					Hộp					
11	G01.011	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian APTT					Hộp					
12	G01.012	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen					Hộp					
13	G01.013	Thuốc thử xét nghiệm xác định thời gian thrombin					Hộp					
14	G01.014	Thuốc thử xét nghiệm định lượng D-Dimer					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
15	G01.015	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu					Hộp					
16	G01.016	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu					Thanh					
		3. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm Huyết học 1										
17	G01.017	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học					Can					
18	G01.018	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học					Can					
19	G01.019	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin					Can					
20	G01.020	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách bạch cầu					Can					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
21	G01.021	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit					Can					
22	G01.022	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: ethylene glycol monophenyl ether					Can					
23	G01.023	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học. Thành phần: Natri hypoclorit					Hộp					
24	G01.024	Chất kiểm chuẩn 3DN cho máy phân tích huyết học					Lọ					
25	G01.025	Chất kiểm chuẩn 5DN cho máy phân tích huyết học					Lọ					
		4. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy huyết học 2										
26	G01.026	Hóa chất đếm và xác định kích thước tế bào máu					Hộp					
27	G01.027	Hóa chất ly giải					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
28	G01.028	Nước rửa đường ống của máy					Hộp					
29	G01.029	Nước rửa đầu lấy mẫu					Hộp					
30	G01.030	Hóa chất chuẩn cho máy phân tích huyết học					Hộp					
		5. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy định nhóm máu										
31	G01.031	Card xét nghiệm nhóm máu theo 2 phương pháp hồng cầu mẫu, huyết thanh mẫu và RhD					Hộp					
32	G01.032	Card xét nghiệm Coombs gián tiếp - trực tiếp, phản ứng hòa hợp và xét nghiệm liên quan đến kháng thể					Hộp					
33	G01.033	Card xét nghiệm trong môi trường nước muối hoặc men					Hộp					
34	G01.034	Card định nhóm máu ABO và Rhesus cho bệnh nhân					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
35	G01.035	Hóa chất chống nhiễm chéo dùng cho máy phân tích nhóm máu tự động					Hộp					
		6. Bộ hoá chất vật tư tương thích dùng cho máy sinh hoá										
36	G01.036	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin					Hộp					
37	G01.037	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT					Hộp					
38	G01.038	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST (GOT)					Hộp					
39	G01.039	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calci toàn phần					Hộp					
40	G01.040	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần					Hộp					
41	G01.041	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK (Creatine kinase)					Hộp					
42	G01.042	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
43	G01.043	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB					Lọ					
44	G01.044	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm định lượng CK-MB					Lọ					
45	G01.045	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm định lượng CK-MB					Lọ					
46	G01.046	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin					Hộp					
47	G01.047	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c					Hộp					
48	G01.048	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c					Hộp					
49	G01.049	Thuốc thử xét nghiệm định lượng α -AMYLASE					Hộp					
50	G01.050	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL - Cholesterol					Hộp					
51	G01.051	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL					Hộp					
52	G01.052	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL- Cholesterol					Hộp					
53	G01.053	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol					Lọ					
54	G01.054	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL					Hộp					
55	G01.055	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALP					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
56	G01.056	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose					Hộp					
57	G01.057	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp					Hộp					
58	G01.058	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần					Hộp					
59	G01.059	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein toàn phần					Hộp					
60	G01.060	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein toàn phần					Hộp					
61	G01.061	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerid					Hộp					
62	G01.062	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ure					Hộp					
63	G01.063	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric					Hộp					
64	G01.064	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy					Hộp					
65	G01.065	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
66	G01.066	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin					Hộp					
67	G01.067	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Sắt					Hộp					
68	G01.068	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDH					Hộp					
69	G01.069	Chất kiểm chuẩn mức thiếu hụt của xét nghiệm G6PDH					Hộp					
70	G01.070	Chất kiểm chuẩn mức bình thường của xét nghiệm G6PDH					Hộp					
71	G01.071	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT (Gama Glutamyl Transferase)					Hộp					
72	G01.072	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP					Hộp					
73	G01.073	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP					Hộp					
74	G01.074	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Lactat (Acid Lactic)					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
75	G01.075	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 54 thông số xét nghiệm miễn dịch 3 mức nồng độ thấp, trung bình, cao					Hộp					
76	G01.076	Dung dịch ly giải xét nghiệm định lượng HbA1c					Hộp					
77	G01.077	Dung dịch đệm dùng cho xét nghiệm điện giải					Hộp					
78	G01.078	Chất hiệu chuẩn mức cao cho xét nghiệm điện giải					Hộp					
79	G01.079	IVD nạp điện cực tham chiếu					Hộp					
80	G01.080	Chất hiệu chuẩn mức cao thấp cho xét nghiệm điện giải					Hộp					
81	G01.081	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Na, K. Cl					Hộp					
82	G01.082	Chất hiệu chuẩn mức trung bình xét nghiệm định lượng Na, K. Cl					Hộp					
83	G01.083	IVD kiểm tra điện cực Natri và Kali					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
84	G01.084	IVD tạo điện thế cơ sở cho xét nghiệm định lượng Na, K, Cl					Hộp					
85	G01.085	Chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch					Lọ					
86	G01.086	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa					Lọ					
87	G01.087	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa					Can					
88	G01.088	Vật liệu kiểm soát mức 1 cho các xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa					Lọ					
89	G01.089	Vật liệu kiểm soát mức 2 cho các xét nghiệm định lượng 36 thông số sinh hóa					Lọ					
90	G01.090	Chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch					Lọ					
91	G01.091	Chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch					Lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
92	G01.092	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch nhóm 1					Hộp					
93	G01.093	Dung dịch rửa					Bình					
94	G01.094	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1					Hộp					
95	G01.095	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2					Hộp					
96	G01.096	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3					Hộp					
97	G01.097	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1. (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab)					Lọ					
98	G01.098	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2. (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab)					Lọ					
99	G01.099	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3. (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO					Lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		Ab)										
100	G01.100	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1. (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)					Lọ					
101	G01.101	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2. (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)					Lọ					
102	G01.102	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3. (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u)					Lọ					
103	G01.103	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tìm mạch mức 1					Hộp					
104	G01.104	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol					Hộp					
105	G01.105	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2					Hộp					
106	G01.106	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
107	G01.107	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2					Hộp					
108	G01.108	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ammonia					Hộp					
109	G01.109	Hóa chất dùng cho xét nghiệm y-Glutamyltransferase (GGT)					Hộp					
110	G01.110	Đo hoạt độ Lipase					Hộp					
		7. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch 1										
111	G01.111	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Thyroglobulin					Hộp					
112	G01.112	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin					Hộp					
113	G01.113	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA					Hộp					
114	G01.114	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CEA					Hộp					
115	G01.115	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
116	G01.116	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng CA 19-9					Hộp					
117	G01.117	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng CA 125					Hộp					
118	G01.118	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Định lượng CA 125					Hộp					
119	G01.119	Thuốc thử xét nghiệm định lượng hsTnI					Hộp					
120	G01.120	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng hsTnI					Hộp					
121	G01.121	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP					Hộp					
122	G01.122	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP					Hộp					
123	G01.123	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do					Hộp					
124	G01.124	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do					Hộp					
125	G01.125	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 TỰ do					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
126	G01.126	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do					Hộp					
127	G01.127	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3					Hộp					
128	G01.128	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3					Hộp					
129	G01.129	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin					Hộp					
130	G01.130	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin					Hộp					
131	G01.131	Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP					Hộp					
132	G01.132	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP					Hộp					
133	G01.133	Chất kiểm tra xét nghiệm định lượng BNP					Hộp					
134	G01.134	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng TSH					Hộp					
135	G01.135	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
136	G01.136	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng PAPP-A					Hộp					
137	G01.137	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A					Hộp					
138	G01.138	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Vitamin B12					Hộp					
139	G01.139	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin B12					Hộp					
140	G01.140	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng Estriol tự do					Hộp					
141	G01.141	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Định lượng Estriol tự do					Hộp					
142	G01.142	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng Folate					Hộp					
143	G01.143	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Định lượng Folate					Hộp					
144	G01.144	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần					Hộp					
145	G01.145	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
146	G01.146	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin					Hộp					
147	G01.147	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin					Hộp					
148	G01.148	Thuốc thử xét nghiệm Định lượng kháng thể kháng TPO					Hộp					
149	G01.149	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TPO					Hộp					
150	G01.150	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin					Hộp					
151	G01.151	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Insulin					Hộp					
152	G01.152	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần					Hộp					
153	G01.153	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần					Hộp					
154	G01.154	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA tự do					Hộp					
155	G01.155	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
156	G01.156	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AMH					Hộp					
157	G01.157	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH					Hộp					
158	G01.158	Chất chuẩn AMH					Hộp					
159	G01.159	Cơ chất phát quang					Hộp					
160	G01.160	Dung dịch đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch					Hộp					
161	G01.161	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch					Hộp					
162	G01.162	Dung dịch kiểm tra hệ thống					Hộp					
163	G01.163	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch. Thành phần: Acid hữu cơ					Bình					
164	G01.164	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch. Thành phần: KOH					Bình					
165	G01.165	Dung dịch đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch					Hộp					

[illegible]

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
173	G01.173	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol					Hộp					
174	G01.174	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin					Hộp					
175	G01.175	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin					Hộp					
176	G01.176	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3					Hộp					
177	G01.177	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4					Hộp					
178	G01.178	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH					Hộp					
179	G01.179	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-TPO					Hộp					
180	G01.180	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Anti-TPO					Hộp					
181	G01.181	Thuốc thử xét nghiệm định lượng NSE					Hộp					
182	G01.182	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
183	G01.183	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HCG					Hộp					
184	G01.184	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Estradiol					Hộp					
185	G01.185	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol					Hộp					
186	G01.186	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Testosterone					Hộp					
187	G01.187	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Testosterone					Hộp					
188	G01.188	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Progesterone					Hộp					
189	G01.189	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Progesterone					Hộp					
190	G01.190	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Prolactin					Hộp					
191	G01.191	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LH					Hộp					
192	G01.192	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FSH					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
193	G01.193	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm định lượng tuyến giáp mức 1					Hộp					
194	G01.194	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm định lượng tuyến giáp mức 2					Hộp					
195	G01.195	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm định lượng tuyến giáp mức 3					Hộp					
196	G01.196	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HBsAg					Hộp					
197	G01.197	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng HBsAg					Hộp					
198	G01.198	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HbsAg					Hộp					
199	G01.199	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HbsAg					Hộp					
200	G01.200	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên, kháng thể kháng HIV					Hộp					
201	G01.201	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng nguyên, kháng thể kháng HIV					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
202	G01.202	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng HCV					Hộp					
203	G01.203	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng HCV					Hộp					
204	G01.204	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần kháng HBcAg					Hộp					
205	G01.205	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần kháng HBcAg					Hộp					
206	G01.206	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HBcAg					Hộp					
207	G01.207	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HBcAg					Hộp					
208	G01.208	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HBeAg					Hộp					
209	G01.209	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng HBeAg					Hộp					
210	G01.210	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần kháng HbeAg					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
211	G01.211	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần kháng HbeAg					Hộp					
212	G01.212	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch					Hộp					
213	G01.213	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch					Hộp					
214	G01.214	Đầu côn sử dụng một lần dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch					Hộp					
215	G01.215	Vật liệu chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch					Túi					
216	G01.216	Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch. (Dạng bột đông khô)					Hộp					
217	G01.217	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch					Hộp					
		9. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy điện giải										
218	G01.218	Dung dịch rửa máy					Hộp					
219	G01.219	Dung dịch rửa điện cực Na					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
220	G01.220	Bộ thuốc thử cho máy điện giải					Hộp					
221	G01.221	Điện cực xét nghiệm định lượng Chloride					Chiếc/ Cái					
222	G01.222	Điện cực xét nghiệm định lượng Kali					Hộp					
223	G01.223	Điện cực xét nghiệm định lượng Natri					Hộp					
224	G01.224	Điện cực chuẩn					Hộp					
		10. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm HbA1c										
225	G01.225	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 80A					Hộp					
226	G01.226	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 80B					Hộp					
227	G01.227	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 80CV					Hộp					
228	G01.228	Dung dịch pha loãng máu và rửa đường ống					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
229	G01.229	Cột sắc kí					Hộp					
230	G01.230	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1C					Hộp					
231	G01.231	Dung dịch kiểm chuẩn					Hộp					
232	G01.232	Dung dịch pha loãng mẫu chuẩn					Hộp					
233	G01.233	Dung dịch rửa đậm đặc					Hộp					
		11. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy phân tích khí máu 1										
234	G01.234	Bộ Cassette cho máy xét nghiệm điện giải, khí máu					Hộp					
235	G01.235	Bình khí hiệu chuẩn dùng cho máy xét nghiệm điện giải, khí máu					Hộp					
		12. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy phân tích khí máu 2										
236	G01.236	Cartridge đo các thông số khí máu điện giải. 100test					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thươn g mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
237	G01.237	Cartridge đo các thông số khí máu điện giải. 200test					Hộp					
238	G01.238	Chất chuẩn dùng cho máy khí máu điện giải					Hộp					
239	G01.239	Ống đựng mẫu					Hộp					
	.	12. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy phân tích khí máu 3										
240	G01.240	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu					Bình					
241	G01.241	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng pH, pCO ₂ , pO ₂ , Na, K, Cl, Ca, Glc, Lac, các phân đoạn Hb					Hộp					
	.	13. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 1										
242	G01.242	Que thử nước tiểu 11 thông số					Test					
243	G01.243	Que thử xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 10 thông số					Test					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		14. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 2										
244	G01.244	Que thử nước tiểu 12 thông số phù hợp cho máy xét nghiệm nước tiểu					Test					
245	G01.245	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu. Thành phần gồm: Surfactant, Oxidant, stabilizer, buffer solution					Chai					
246	G01.246	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu. Thành phần gồm: Surfactant Tween, Buffer solution					Chai					
247	G01.247	Chất kiểm chuẩn phù hợp cho máy xét nghiệm nước tiểu					Bộ					
		15. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử										
248	G01.248	IVD chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm PCR					Hộp					
249	G01.249	Thuốc thử xét nghiệm HIV					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
250	G01.250	Thuốc thử xét nghiệm HBV					Hộp					
251	G01.251	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HIV, HCV, HBV					Hộp					
252	G01.252	Hóa chất chuẩn bị mẫu					Hộp					
253	G01.253	Hóa chất ly giải mẫu					Hộp					
254	G01.254	Đĩa chứa thuốc thử					Hộp					
255	G01.255	Đĩa tách chiết 2ml					Hộp					
256	G01.256	Ngăn chứa thuốc thử 200ml					Hộp					
257	G01.257	Ngăn chứa thuốc thử 50ml					Hộp					
258	G01.258	Đầu côn có đầu lọc 1ml					Hộp					
259	G01.259	Dây ống nhựa phản ứng dùng trên máy luân nhiệt (trắng)					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
260	G01.260	Bộ hóa chất phát hiện gen E của virus Sarbeco có chứng tách chiết					Hộp					
261	G01.261	Hỗn hợp phản ứng dễ sử dụng cho kỹ thuật RT-qPCR một bước trên các hệ thống Real-Time PCR					Hộp					
262	G01.262	Bộ hóa chất tách chiết RNA trong virus					Hộp					
263	G01.263	Bộ bù màu 6 kênh màu sử dụng cho hệ thống real-time PCR					Hộp					
		16. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy chạy thận 1										
264	G01.264	Quả lọc thận nhân tạo chứa bột bicarbonate					Bộ					
265	G01.265	DUNG DỊCH THÂM PHÂN MÁU ĐẬM ĐẶC (ACID). Thành phần: Natri clorid, Kali clorid, Calci clorid.2H2O, Acid acetic băng, Glucose.H2O, Magnesi clorid.6H2O, Nước tinh khiết					Can					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
266	G01.266	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (bicarbonat)					Can					
267	G01.267	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (acid). Thành phần chứa Natriclorit, Kali Clorit, MagnesiClorit.6H2O, Acid Acetic băng, Gloco.H2O, nước tinh khiết					Can					
		17. Bộ hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy chạy thận 2										
268	G01.268	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)					Can					
269	G01.269	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)					Can					
	Tổng số: 269 Mặt hàng											

Ghi chú: Báo giá này có giá trị trong vòng..... ngày kể từ ngày ký./.

....., ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BV-KD ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Công ty:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Email:.....

Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

SINH PHẨM Y TẾ - HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ Y TẾ KHÁC

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		I. SINH PHẨM Y TẾ										
1	G02.001	Que/ Khay/ Test thử xét nghiệm kháng nguyên HBsAg					Test					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
2	G02.002	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể kháng virus viêm gan C					Test					
3	G02.003	Que/ khay/ test xét nghiệm các type kháng thể virus HIV					Test					
4	G02.004	Que/ khay/ test xét nghiệm định tính 4 loại ma túy và chất chuyển hóa ma túy trong nước tiểu					Test/ Que					
5	G02.005	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể IgG và IgM kháng virus viêm gan A					Test					
6	G02.006	Que/ khay/ test xét nghiệm hemoglobin máu trong mẫu phân người					Test					
7	G02.007	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai					Test					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
8	G02.008	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng nguyên sốt rét chủng Pf/Pv					Test					
9	G02.009	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể kháng HEV					Test					
10	G02.010	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng nguyên Chlamydia					Que thử/K hay thử/ Test thử					
11	G02.011	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể kháng virus Dengue					Que thử/K hay thử/ Test thử					
12	G02.012	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng nguyên NS1 của <u>Virus</u> Dengue					Que thử/K hay thử/ Test thử					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
13	G02.013	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng nguyên Rotavirus					Que thử/K hay thử/ Test thử					
14	G02.014	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng nguyên virus cúm					Test					
15	G02.015	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng nguyên virus hợp bào hô hấp (RSV)					Que thử/K hay thử/ Test thử					
16	G02.016	Que/ khay/ test xét nghiệm các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum					Que thử/K hay thử/ Test thử					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
17	G02.017	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể IgM kháng Enterovirus 71					Que thử/K hay thử/ Test thử					
18	G02.018	Que/ khay/ test xét nghiệm morphin					Que thử/K hay thử/ Test thử					
19	G02.019	Que/ khay/ test xét nghiệm kháng thể kháng Treponema Pallidum					Que thử/K hay thử/ Test thử					
20	G02.020	Kít thử hệ nhóm máu ABO và RhD					Test					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
21	G02.021	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A					Lọ					
22	G02.022	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B					Lọ					
23	G02.023	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB					Lọ					
24	G02.024	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu D					Lọ					
25	G02.025	Test urease chẩn đoán H.Pylori					Ống /Test					
		II. DUNG DỊCH SÁT KHUẨN										
26	G02.026	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh 1000ml					Chai					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
27	G02.027	Dung dịch rửa tay thường quy 1% 5 lít/can					Can					
28	G02.028	Dung dịch rửa tay thường quy 1% 1 lít/chai					Chai					
29	G02.029	Xà phòng rửa tay phẫu thuật 5 lít/can					Can					
30	G02.030	Dung dịch phun sương khử khuẩn 5 lít/can					Can					
31	G02.031	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế. Thành phần Ortho-Phthalaldehyde					Can					
32	G02.032	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế 1000ml/chai					Chai					
33	G02.033	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế. Thành phần Glutaraldehyde					Can					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
34	G02.034	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ và ống nội soi 5 lít/can					Can					
35	G02.035	Viên khử khuẩn 2,5g					Viên					
36	G02.036	Dung dịch sát khuẩn bề mặt 750ml/chai					Chai					
37	G02.037	Khăn lau khử khuẩn bề mặt dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế					Hộp					
		III. HÓA CHẤT KHOA VI SINH										
38	G02.038	Cefuroxime 30µg					Hộp					
39	G02.039	Ceftriaxone 30µg					Hộp					
40	G02.040	Imipenem 10µg					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
41	G02.041	Meropenem 10µg					Hộp					
42	G02.042	Erythromycin 15µg					Hộp					
43	G02.043	Cefepime 30µg					Hộp					
44	G02.044	Ciprofloxacin 5µg					Hộp					
45	G02.045	Clindamycin 2µg					Hộp					
46	G02.046	Azithromycin 15µg					Hộp					
47	G02.047	Amikacin 30µg					Hộp					
48	G02.048	Ampicillin 10µg					Hộp					
49	G02.049	Ampicillin-sulbactam 20µg					Hộp					
50	G02.050	Cefotaxime 30µg					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
51	G02.051	Ceftazidime 30µg					Hộp					
52	G02.052	Gentamicin 10µg					Hộp					
53	G02.053	Vancomycin 30µg					Hộp					
54	G02.054	Levofloxacin 5µg					Hộp					
55	G02.055	Penicillin 10 IU					Hộp					
56	G02.056	Cefoxitin 30µg					Hộp					
57	G02.057	Chloramphenicol 30µg					Hộp					
58	G02.058	Amoxicillin-clavulanic acid 30µg					Hộp					
59	G02.059	Doxycycline 30µg					Hộp					
60	G02.060	Piperacillin 100µg					Hộp					
61	G02.061	Ticarcillin 75µg/ Clavulanic Acid 10µg					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
62	G02.062	Cefotaxime+Clavulanic acid 40µg					Hộp					
63	G02.063	Ceftazidim +Clavulanic acid					Hộp					
64	G02.064	Bacitracin					Hộp					
65	G02.065	Nitrofurantoin 300µg					Hộp					
66	G02.066	Trimethoprim 1.25µg/Sulfamethoxazole 23.75µg					Hộp					
67	G02.067	Ertapenem 10µg					Hộp					
68	G02.068	Colistin10µg					Hộp					
69	G02.069	Linezolid 30µg					Hộp					
70	G02.070	Tetracycline 30µg					Hộp					
71	G02.071	Moxifloxacin 5µg					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
72	G02.072	Piperacillin/Tazobactam 110µg					Hộp					
73	G02.073	Tobramycin 10 µg					Hộp					
74	G02.074	Ceftazidim + Avibactam 30/20 µg					Hộp					
75	G02.075	Cefixime 5 µg					Hộp					
76	G02.076	Ceftizoxime 30					Hộp					
77	G02.077	Cefpodoxime 10µg					Hộp					
78	G02.078	Rifamicillin 5µg					Hộp					
79	G02.079	Tigecycline 15µg					Hộp					
80	G02.080	Oxacillin 1µg					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
81	G02.081	Fosfomycin 200µg/ Glucose 6 Phosphate 50µg					Hộp					
82	G02.082	Khoanh giấy định danh Streptococcus pneumoniae					Hộp					
83	G02.083	Khoanh giấy hiện nhanh enzymes β-lactamase trong khuẩn lạc phân lập của Neisseria gonorrhoeae, Moraxella catarrhalis, Staphylococcus spp., Haemophilus influenzae và các vi khuẩn kỵ khí					Hộp					
84	G02.084	Khoanh giấy phát hiện ESBL Cefotaxime					Hộp					
85	G02.085	Khoanh giấy phát hiện ESBL Ceftazidime					Hộp					
86	G02.086	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Ceftriaxone					Hộp					
87	G02.087	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) cefuroxim					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
88	G02.088	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Imipenem					Hộp					
89	G02.089	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Amoxillin + clavulanic					Hộp					
90	G02.090	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Levofloxacin					Hộp					
91	G02.091	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Trimethoprim + Sulfamethoxazone					Hộp					
92	G02.092	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Piperacillin - tazobactam					Hộp					
93	G02.093	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Amikacin					Hộp					
94	G02.094	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) linezolid					Hộp					
95	G02.095	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Meropenem					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
96	G02.096	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Penicillin					Hộp					
97	G02.097	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Ceftazidime					Hộp					
98	G02.098	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Colistin					Hộp					
99	G02.099	Thuốc thử xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) Vancomycin					Hộp					
100	G02.100	Chủng chuẩn Enterobacter hormaechei					Hộp					
101	G02.101	Chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia					Hộp					
102	G02.102	Chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus					Hộp					
103	G02.103	Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
104	G02.104	Chủng chuẩn Candida albicans					Hộp					
105	G02.105	Chủng chuẩn Eikenella corrodens					Hộp					
106	G02.106	Chủng chuẩn Escherichia coli					Hộp					
107	G02.107	Chủng chuẩn Klebsiella pneumoniae subsp pneumoniae					Hộp					
108	G02.108	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa					Hộp					
109	G02.109	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis					Hộp					
110	G02.110	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus					Hộp					
111	G02.111	Chủng chuẩn Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
112	G02.112	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus					Hộp					
113	G02.113	Chủng chuẩn Candida parapsilosis					Hộp					
114	G02.114	Hóa chất định danh vi sinh vật Oxydase Reagent					Hộp					
115	G02.115	Hóa chất định danh vi sinh vật Kovacs					hộp					
116	G02.116	Môi trường nuôi cấy					Hộp					
117	G02.117	Hóa chất định danh vi sinh vật					Hộp					
118	G02.118	Thẻ kháng sinh đồ liên cầu AST-ST03					Hộp					
119	G02.119	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương AST-GP67					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
120	G02.120	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm AST-N204					Hộp					
121	G02.121	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm AST-N240					Hộp					
122	G02.122	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm AST-N415					Hộp					
123	G02.123	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm AST-N412					Hộp					
124	G02.124	Thẻ kháng sinh đồ nấm AST-YS08					Hộp					
125	G02.125	Thẻ định danh nấm men YST					Hộp					
126	G02.126	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm GN					Hộp					
127	G02.127	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương GP					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
128	G02.128	Thẻ định danh định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus					Hộp					
129	G02.129	Ổng lưu giữ chủng vi sinh vật					Hộp					
130	G02.130	Nước muối 0.45% 1000ml/túi					Túi					
131	G02.131	Ổng nghiệm pha loãng mẫu polystyrene cho máy định danh vi khuẩn tự động					Hộp					
132	G02.132	Bộ đo độ đục chuẩn (Cho máy định danh vi khuẩn tự động)					Hộp					
133	G02.133	Môi trường phân biệt vi khuẩn lên men lactose và không lên men lactose, ức chế các vi khuẩn Gram dương số 3					Hộp					
134	G02.134	Môi trường đông khô thạch để nuôi cấy định danh sơ bộ tất cả các tác nhân chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI)					Lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
135	G02.135	Môi trường giàu dinh dưỡng thường dùng để nuôi cấy các vi sinh vật hiếu khí, kỵ khí và vi khuẩn khó tính (streptococci, neisseria)					Hộp					
136	G02.136	Môi trường dạng rắn dùng phân biệt các vi khuẩn đường ruột Enterobacteriaceae					Hộp					
137	G02.137	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn và phát hiện phản ứng tan huyết					Hộp					
138	G02.138	Môi trường nuôi cấy nutrient agar					Hộp					
139	G02.139	Môi trường Mueller Hinton Agar					Hộp					
140	G02.140	Môi trường Muller hinton Broth					Hộp					
141	G02.141	Môi trường nuôi cấy Sabouraud Dextrose Agar					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
142	G02.142	Môi trường canh thang não tủy					Hộp					
143	G02.143	Đĩa thạch đồ sẵn phân lập các loài Shigella và salmonella từ các mẫu bệnh phẩm					Hộp					
144	G02.144	Đĩa thạch đồ sẵn phân lập các loài Shigella và salmonella từ mẫu bệnh phẩm đường ruột					Hộp					
145	G02.145	Đĩa thạch đồ sẵn phát hiện, phân lập và đếm số lượng Coliforms và vi khuẩn đường ruột khác					Hộp					
146	G02.146	Đĩa thạch đồ sẵn nuôi cấy và phân biệt các loại nấm					Hộp					
147	G02.147	Đĩa thạch đồ sẵn kiểm tra sự nhạy cảm của kháng sinh với Haemophilus					Hộp					
148	G02.148	Đĩa thạch đồ sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI)					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
149	G02.149	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính					Hộp					
150	G02.150	Đĩa thạch đổ sẵn được sử dụng để để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophiluss					Hộp					
151	G02.151	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sinh màu được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B					Hộp					
152	G02.152	Đĩa thạch đổ sẵn kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc					Hộp					
153	G02.153	Đĩa thạch đổ sẵn kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật khó mọc (5% máu cừu)					Hộp					
154	G02.154	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu dùng cho phân lập và phát hiện các loài Enterobacteriaceae sản sinh carbapenemase (CPE)					Hộp					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
155	G02.155	Môi trường thạch phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng di động, sinh H2S và sinh indole					Hộp					
156	G02.156	Môi trường phân biệt vi khuẩn đường ruột dựa trên khả năng sử dụng citrate					Hộp					
157	G02.157	Môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu phế cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS)					Hộp					
158	G02.158	Dung dịch nhuộm Ziehl Neelsen					Bộ					
159	G02.159	Dung dịch nhuộm Gram					Bộ					
160	G02.160	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí					Chai					
161	G02.161	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật kỵ khí					Chai					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
162	G02.162	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu khác có thể tích dưới 3mL					Chai					
163	G02.163	Kit tách chiết ARN/AND					Hộp					
164	G02.164	Kit định tính vi khuẩn Mycoplasma pneumoniae					Hộp					
165	G02.165	Kit định lượng HCV virus					Hộp					
166	G02.166	Kit định tính vi khuẩn Lao					Hộp/ Bộ					
167	G02.167	Kit định tính và định lượng HSV					Hộp/ Bộ					
168	G02.168	Xét nghiệm định tính và định lượng Adenovirus					Hộp					
169	G02.169	Chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (Iso propanol)					Chai					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
170	G02.170	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh (GLYCEROL)					Chai					
171	G02.171	Dầu soi kính hiển vi					Chai					
172	G02.172	Thuốc thử chẩn đoán định tính phát hiện Anti-streptolysin O					Test					
173	G02.173	Môi trường chuẩn bị tinh trùng					Kit/Hộp					
174	G02.174	Môi trường lọc rửa tinh trùng					Hộp					
175	G02.175	Hoá chất nhuộm nhanh hình thể tinh trùng					Hộp					
176	G02.176	Hoá chất nhuộm Eosin-nigrosin					Hộp					
177	G02.177	Cồn acid 0,5%					Chai/ lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		IV. HÓA CHẤT GIẢI PHẪU BỆNH										
178	G02.178	Cồn tuyệt đối chai 1000ml					Can					
179	G02.179	Nước cất 2 lần					Can					
180	G02.180	Acid nitric					Chai					
181	G02.181	Formaldehyde solution					Chai					
182	G02.182	Dung dịch cố định mẫu bệnh phẩm Formol					can					
183	G02.183	Dung dịch xử lý mẫu bệnh phẩm Xylene					can					
184	G02.184	Paraffin hạt dùng chuyển + đúc					kg					
185	G02.185	Hóa chất nhuộm Giemsa					Chai					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
186	G02.186	Keo gắn lam kính					Chai					
187	G02.187	Dung dịch nhuộm Schiff reagent					Chai					
188	G02.188	Dung dịch Acid periodic 1%					Chai					
189	G02.189	Dung dịch nhuộm Eosin					Chai					
190	G02.190	Dung dịch nhuộm EA50					Chai					
191	G02.191	Dung dịch nhuộm OG6					Chai					
192	G02.192	Dung dịch nhuộm hematoxyline					Chai					
193	G02.193	Thuốc đánh dấu mô					Chai					
194	G02.194	Chất gắn mẫu tế bào cho cắt lạnh					Chai					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
195	G02.195	Dung dịch xịt lạnh nhanh bệnh phẩm					Lọ					
196	G02.196	Dung dịch khử Canxi					Chai					
197	G02.197	Kháng thể Ki-67					Lọ					
198	G02.198	Kháng thể Cytokeratin 7					Lọ					
199	G02.199	Kháng thể Cytokeratin 10					Lọ					
200	G02.200	Kháng thể Cytokeratin 13					lọ					
201	G02.201	Kháng thể Cytokeratin 17					Lọ					
202	G02.202	Kháng thể Cytokeratin 19					Lọ					
203	G02.203	Kháng thể Cytokeratin 20					Lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
204	G02.204	Bộ kháng thể 2 và chỉ thị màu					Bộ					
205	G02.205	Dung dịch rửa nồng độ 20X					Chai					
206	G02.206	dung dịch bậc lộ 3 trong 1 nồng độ 20X					Chai					
207	G02.207	Kháng thể CEA					lọ					
208	G02.208	Kháng thể CDX2					lọ					
209	G02.209	Kháng thể CK5/6					lọ					
210	G02.210	Kháng thể Estrogen Receptor					lọ					
211	G02.211	Kháng thể Progesterone Receptor					lọ					
212	G02.212	Kháng thể Her2/Neu					lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
213	G02.213	Kháng thể Thyroglobulin					lọ					
214	G02.214	Kháng thể PSA					lọ					
215	G02.215	Kháng thể P53					lọ					
216	G02.216	Kháng thể P16					lọ					
		V. HÓA CHẤT KHÁC										
217	G02.217	Dầu Parafin 10ml					Ống					
218	G02.218	Parafin rắn					kg					
219	G02.219	Trichloroisocyanuric acid 90%					Kg					
220	G02.220	Vôi Soda can 4,5kg					Can					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
221	G02.221	Muối viên tinh khiết					kg					
222	G02.222	Javen					Lít					
223	G02.223	Cồn 96°					Lít					
224	G02.224	Than hoạt					Túi					
225	G02.225	Kali pemanganat					Chai/ lọ					
226	G02.226	Citric acid monohydrate <u>500g/Chai</u>					Chai					
227	G02.227	Hóa chất cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp H2O2					Cốc/L ọ					
228	G02.228	Gel bôi trơn 82g					tube					
229	G02.229	Gel điện tim					tube					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
230	G02.230	Gel siêu âm Can 5 lít					Can					
		VI. KHÍ Y TẾ										
231	G02.231	Khí oxy lỏng					Kg					
232	G02.232	Khí oxy bình 40 Lít					Bình					
233	G02.233	Khí oxy bình 10 Lít					Bình					
234	G02.234	Khí CO2 bình 10 Lít					Bình					
		VII. VẬT TƯ KHÁC										
235	G02.235	Mask bóp bóng					Cái					
236	G02.236	Dây garo cao su					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
237	G02.237	Ống ly tâm 1.5ml					Tuýp					
238	G02.238	Giấy điện tim 3 cần					Cuộn					
239	G02.239	Giấy điện tim 6 cần					Tệp					
240	G02.240	Giấy in máy monitor sản khoa					Tập					
241	G02.241	Giấy in nhiệt					Cuộn					
242	G02.242	Giấy nylon ép túi đóng gói máy sắc thuốc					Cuộn					
243	G02.243	Giấy siêu âm đen trắng					Cuộn					
244	G02.244	Giấy đo PH					Cuộn					
245	G02.245	Lam kính mài					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
246	G02.246	Lam kính thường					Cái					
247	G02.247	Lamen 22x22mm					Miếng					
248	G02.248	Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh, kích thước 24x50mm					Miếng					
249	G02.249	Lam kính tĩnh điện					Cái					
250	G02.250	Mũ giấy đã tiệt trùng					Cái					
251	G02.251	Nhiệt kế thủy ngân					Cái					
252	G02.252	Ống đông máu Natricitrat 3,8% kích thước 13x75mm					Ống					
253	G02.253	Ống lưu máu kháng đông EDTA					Cái					
254	G02.254	Ống nghiệm chân không EDTA K2 2ml					Ống					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
255	G02.255	Ống nghiệm Heparin					Ống					
256	G02.256	Ống nghiệm máu lắng chân không citrate 3,2%/ 1,28ml					Ống					
257	G02.257	Pipet nhựa dùng 1 lần					Cái					
258	G02.258	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo					Lọ					
259	G02.259	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo					Lọ					
260	G02.260	Que thử tồn dư Peroxide trong nước chạy thận nhân tạo					Lọ					
261	G02.261	Tấm trải 100 x 130cm					Cái					
262	G02.262	Test thử nhanh tiểu đường					Test					
263	G02.263	Vòng đeo tay mẹ và bé					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
264	G02.264	Đĩa nuôi cấy mẫu					Cái					
265	G02.265	Khuôn đúc mẫu bệnh phẩm					Cái					
266	G02.266	Ống nghiệm lấy máu					Ống					
267	G02.267	Ống nghiệm thủy tinh fi 12					Cái					
268	G02.268	Ống nghiệm thủy tinh fi 10					Cái/ Chiếc					
269	G02.269	Ống nghiệm thủy tinh fi 14					Cái/ Chiếc					
270	G02.270	Ống nghiệm thủy tinh fi 16					Cái/ Chiếc					
271	G02.271	Ống nghiệm thủy tinh fi 16 có nắp vặn					Cái/ Chiếc					
272	G02.272	Ống nghiệm thủy tinh fi 20					Cái/ Chiếc					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
273	G02.273	Ống nghiệm thủy tinh fi 18					Cái/Chiếc					
274	G02.274	Ống nghiệm falcon tiết trùng đáy nhọn 15 ml					Cái					
275	G02.275	Ống nghiệm tiết trùng đáy tròn 5 ml					Cái					
276	G02.276	Ống nghiệm tiết trùng đáy tròn 14 ml					Cái					
277	G02.277	Lọ đựng tinh trùng 120ml					Cái					
278	G02.278	Pipet hút mẫu tiết trùng 1ml (Đóng gói 1 cái/túi)					Cái					
279	G02.279	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ					Cái					
280	G02.280	Áo phẫu thuật					Bộ					
281	G02.281	Overtube					Bộ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
282	G02.282	Chổi rửa dùng một lần					Cái					
283	G02.283	Đầu côn có lọc 10µl					Cái					
284	G02.284	Đầu côn có lọc 100µl					Cái					
285	G02.285	Đầu côn có lọc 200µl					Cái					
286	G02.286	Đầu côn có lọc 1250µl					Cái					
287	G02.287	Vòng cao su					Cái					
288	G02.288	Ống tuýp bảo quản mẫu					Cái					
289	G02.289	Que cấy mẫu bằng nhựa 10 microlit vô trùng					Cái					
290	G02.290	Que cấy mẫu bằng nhựa 1 microlit vô trùng					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
291	G02.291	Que cấy mẫu 1 microlit vô trùng					Cái					
		VIII. VẬT TƯ TIÊU HAO RĂNG HÀM MẶT										
292	G02.292	Kìm nhổ chân răng cửa hàm trên					Cái					
293	G02.293	Kìm nhổ chân răng hàm dưới					Cái					
294	G02.294	Kìm nhổ răng cửa hàm dưới					Cái					
295	G02.295	Kìm nhổ răng cửa hàm trên					Cái					
296	G02.296	Sò đánh bóng					Cái					
297	G02.297	Cán gương					Cái					
298	G02.298	Kẹp gấp					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
299	G02.299	Gutta máy độ trơn 4% kích thước 20					Hộp					
300	G02.300	Gutta máy độ trơn 4% kích thước 25					Hộp					
301	G02.301	Châm gai lấy tủy màu đỏ các cỡ					Cái					
302	G02.302	Châm gai lấy tủy màu trắng các cỡ					Cái					
303	G02.303	Châm gai lấy tủy màu Xanh các cỡ					Cái					
304	G02.304	Châm gai lấy tủy màu vàng các cỡ					Cái					
305	G02.305	Mặt gương nha khoa					Cái					
306	G02.306	Mũi khoan ngọn lửa					Cái					
307	G02.307	Mũi khoan mở tủy to					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
308	G02.308	Mũi khoan mở tủy bé					Cái					
309	G02.309	Mũi khoan quả trám					Cái					
310	G02.310	Mũi khoan hoàn thiện đuôi chuột					Cái					
311	G02.311	Mũi khoan kim cương chóp ngược các cỡ					Cái					
312	G02.312	Mũi khoan tròn					Cái					
313	G02.313	Mũi khoan trụ					Cái					
314	G02.314	Mũi trụ thuôn dỏ					Cái					
315	G02.315	Kìm nhổ răng số 8 hàm dưới					Cái					
316	G02.316	Kìm nhổ răng số 8 hàm trên bên phải					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
317	G02.317	Kìm nhổ răng số 8 hàm trên bên trái					Cái					
318	G02.318	Bonding					Lọ					
319	G02.319	Vật liệu trám răng					Lọ					
320	G02.320	Cortisomol					Hộp					
321	G02.321	Xi măng hàn gắn răng VII					Hộp					
322	G02.322	Xi măng gắn cầu mào IX					Hộp					
323	G02.323	Vật liệu trám trám 15g					Hộp					
324	G02.324	Dầu xịt tay khoan 500ml/chai					Chai					
325	G02.325	Bơm tiêm nha khoa					Cái/C hiếc					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
326	G02.326	Que bond					Que					
327	G02.327	Que hàn nha khoa					Cây					
328	G02.328	Thám trám răng					Cái					
329	G02.329	Cốc xúc miệng dùng 1 lần					Cái					
330	G02.330	Giũa ống tủy					Cái					
331	G02.331	Hộp đựng mũi khoan					Hộp					
332	G02.332	Ống hút nha khoa/ Ống hút nước bọt					Lọ					
333	G02.333	Bẫy nhỏ răng					Cái					
334	G02.334	Bộ five tạo hình ống tủy /FiveH/Five H					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(mod el)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
335	G02.335	Bộ five tạo hình ống tủy /FiveK/Five K					Cái					
336	G02.336	Bộ khám bệnh(khay gương, gấp , thám tâm)					Bộ					
337	G02.337	Chổi đánh bóng răng dùng trong nha khoa					Cái					
338	G02.338	Cồng đo Sample cup 1,5ml có nắp					Cái					
339	G02.339	Cục cắn mở miệng cao su					Cái					
340	G02.340	Sò đánh bóng					Viên/ Cái					
341	G02.341	Đầu lấy cao					Cái					
	Tổng số: 341 Mặt hàng											

Ghi chú: Báo giá này có giá trị trong vòng..... ngày kể từ ngày ký./.

....., ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số /BV-KD ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

Mã số thuế:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
Công ty.... Xin gửi tới Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng sau:

[illegible]

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
1	G03.001	Bông không thấm nước					Kg					
2	G03.002	Bông y tế cắt miếng 2cm x 2cm 500g/túi (gói)					Túi (gói)					
3	G03.003	Bông hút nước y tế					Kg					
4	G03.004	Bông ép sọ não 1,5x5cm					Cái					
5	G03.005	Que tăm bông vô trùng					Cái					
6	G03.006	Que lấy mẫu sản khoa					Cái					
7	G03.007	Que lấy dịch ty hầu					Que/ cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		1.2 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương										
8	G03.008	Dung dịch tẩy khuẩn màng lọc					Can					
		2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương										
		2.1 Băng										
9	G03.009	Băng bột bó loại 15cm x 4,6m					Cuộn					
10	G03.010	Băng bột bó 15cm x 2,7m					Cuộn					
11	G03.011	Băng gạc bột 20cm x 4,6m					Cuộn					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
12	G03.012	Bảng cuộn 10cm x 5 m					Cuộn					
13	G03.013	Bảng cá nhân trong suốt 2x7,2cm					Miễn g					
14	G03.014	Bảng dính cá nhân 2cmx6cm					Miễn g					
		2.2 Bảng dính										
15	G03.015	Bảng dính 2,5cm x 5m					Cuộn					
16	G03.016	Bảng dính 5cm x 5m					Cuộn					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
17	G03.017	Bảng dính 2,5cm x 9,1m					Cuộn					
18	G03.018	Bảng chun dính 10cm x 4,5m					Cuộn					
		2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương										
19	G03.019	Bông gạc đắp vết thương 6 x 22cm					Cái					
20	G03.020	Bông gạc đắp vết thương 8 x 15cm					Cái					
21	G03.021	Gạc cầu đa khoa fi 50x1 lớp vô trùng					Cái					
22	G03.022	Gạc cầu Fi 30mm x 1 lớp vô trùng					Cái					
23	G03.023	Gạc cầu sản khoa Fi 45mm vô trùng					Cái					

[illegible]

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
31	G03.031	Miếng cầm máu mũi 8cm x 1,5cm x 2cm					Chiếc					
32	G03.032	Sáp cầm máu xương 2.5g					Miếng g					
33	G03.033	Vật liệu cầm máu 7x5x1cm					Miếng g					
34	G03.034	Vật liệu cầm máu tự tan tiêu chuẩn , Kích thước 10cm x20cm					Miếng g					
		Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh										
		3.1 Bơm tiêm										
35	G03.035	Bơm nhựa cho ăn 50 ml					Cái					
36	G03.036	Bơm tiêm 50ml sử dụng cho bơm tiêm điện					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
37	G03.037	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml/cc					Cái					
38	G03.038	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml/cc					Cái					
39	G03.039	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml/cc					Cái					
40	G03.040	Bơm tiêm thuốc cân quang đầu xoáy					Cái					
41	G03.041	Bơm tiêm 3 nắp 1 ml, đầu trơn, có kim					Cái					
42	G03.042	Bơm tiêm thuốc cân quang đầu xoáy					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
43	G03.043	Bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng					Chiếc					
44	G03.044	Bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng					Chiếc					
45	G03.045	Bơm kim tiêm tiểu đường 40UI/ml					Chiếc / cái					
46	G03.046	Bơm kim tiêm tiểu đường 100UI/ml					Chiếc / cái					
47	G03.047	Bơm tiêm đầu xoắn 3ml					Cái					
48	G03.048	Bơm tiêm đầu xoắn sử dụng một lần 1 ml/cc					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
49	G03.049	Bơm tiêm truyền dịch tự động dùng 1 lần có PCA, dung tích 275ml					Bộ					
		3.2 Kim tiêm										
50	G03.050	Kim cánh bướm					Cái					
51	G03.051	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh					Cái					
52	G03.052	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng tiêm thuốc					Chiếc					
53	G03.053	Kim luồn tĩnh mạch các số					Chiếc					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
54	G03.054	Kim chọc tĩnh mạch cánh, động mạch quay					Cái					
55	G03.055	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cổng 16G					Cái					
56	G03.056	Kim nha khoa					Cái					
57	G03.057	Kim tiêm các cỡ					Cái					
58	G03.058	Kim tiêm cầm máu					Cái					
59	G03.059	Kim chích máu					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác										
60	G03.060	Kim chọc dò tùy sống các cỡ					Cái					
61	G03.061	Kim gây tê đám rối thần kinh 22G					Cái					
62	G03.062	Kim gây tê đám rối thần kinh 21G					Cái					
63	G03.063	Kim quang dẫn laser nội mạch					Cái					
64	G03.064	Kim chạy thận nhân tạo 16G					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
65	G03.065	Kim chạy thận					Cái					
66	G03.066	Kim lọc thận nhân tạo 17G, 16G					Cái					
67	G03.067	Kim sinh thiết mô mềm, kèm kim dẫn đường					Cái					
68	G03.068	Ống thông Laser điều trị tĩnh mạch					Cái					
		3.4 Kim châm cứu										
69	G03.069	Kim châm cứu các số					Cái					

[illegible]

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
74	G03.074	Găng tay không bột tan					Đôi					
75	G03.075	Găng tay khám bệnh các số					Đôi					
76	G03.076	Găng tay dài sản khoa					Đôi					
77	G03.077	Găng tay phẫu thuật các số					Đôi					
		3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác										
78	G03.078	Bao cao su					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
79	G03.079	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 100 mm x 200m					Cuộn					
80	G03.080	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 150 mm x 200m					Cuộn					
81	G03.081	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 200 mm x 200m					Cuộn					
82	G03.082	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 350 mm x 200m					Cuộn					
83	G03.083	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng 75 mm x 200m					Cuộn					
84	G03.084	Túi tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, H2O2 100mm x 70m					Cuộn					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
85	G03.085	Túi tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, H2O2 150mm x 70m					Cuộn					
86	G03.086	Túi tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, H2O2 200mm x 70m					Cuộn					
87	G03.087	Túi tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, H2O2 350mm x 70m					Cuộn					
88	G03.088	Túi đựng nước tiểu					Cái/C hiếc					
89	G03.089	Túi đựng dịch thải 5 lít					Túi					
90	G03.090	Lọ đựng phân có thìa					Lọ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter										
		4.1 Ống thông										
91	G03.091	Canuyn mayer các số					Cái					
92	G03.092	Canuyn mở khí quản có bóng các số					Cái					
93	G03.93	Ống đặt nội khí quản có bóng các số					Cái					
94	G03.94	Ống nội khí quản không bóng chèn					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
95	G03.95	Ống đặt nội khí quản lò xo có bóng					Cái					
96	G03.96	Ống nội khí quản lò xo có bóng dành cho nhi					Cái					
97	G03.97	Ống thông đường mật chữ T					Cái					
98	G03.98	Ống thông tiêu 2 nhánh các số					Cái					
99	G03.99	Ống thông hậu môn					Cái					
100	G03.100	Stent niệu quản					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
101	G03.101	Dây dẫn lưu nước tiểu					Sợi					
		4.2 Ống dẫn lưu, ống hút										
102	G03.102	Ống thông dạ dày					Cái					
103	G03.103	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số					Cái					
104	G03.104	Bộ hút đờm kín các cỡ					Bộ					
105	G03.105	Dây hút dịch phẫu thuật					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
106	G03.106	Dây hút nhót					Cái					
		4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối										
107	G03.107	Bộ dây dẫn máu chạy thận nhân tạo					Bộ					
108	G03.108	Dây dẫn dịch bù trong chạy thận nhân tạo					Bộ					
109	G03.109	Bộ dây chạy thận nhân tạo					Bộ					
110	G03.110	Dây lọc thận					Bộ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
111	G03.111	Dây thở Oxy các cỡ					Sợi/Bộ					
112	G03.112	Dây thở Oxy hai nhánh CPAP					Cái					
113	G03.113	Dây nối bơm tiêm điện					Cái					
114	G03.114	Sâu máy thở					Cái					
115	G03.115	Khóa ba ngã có dây dẫn					Cái					
116	G03.116	Khóa ba chạc không dây nối					Cái					
117	G03.117	Dụng cụ kết nối 3 cổng					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		4.4 Catheter										
118	G03.118	Catheter chạy thận nhân tạo 2 nòng					Bộ					
119	G03.119	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng					Bộ					
120	G03.120	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng					Bộ					
121	G03.121	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng					Bộ					
122	G03.122	Ống thông tiểu 3 nhánh các số					Cái					
123	G03.123	Catheter tĩnh mạch rốn					Cái					
124	G03.124	Catheter tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên					Cái					
125	G03.125	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng cỡ 4Fr					Cái					
126	G03.126	Catheter bơm tinh trùng loại dài (17cm)					Cái					
127	G03.127	Ống thông (catheter) chụp mạch não, mạch ngoại biên					Cái					
128	G03.128	Catheter chụp mạch tạng, mạch ngoại vi					Cái					
129	G03.129	Ống thông (catheter) ái nước chụp tạng, mạch não, mạch ngoại biên					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
130	G03.130	Ổng thông điện cực tạo nhịp tạm thời					Bộ					
131	G03.131	Catheter chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ					Cái					
132	G03.132	Ổng thông (catheter) chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên					Cái					
133	G03.133	Ổng thông chẩn đoán					Cái					
134	G03.134	Ổng dẫn lưu qua da có khóa					Cái					
135	G03.135	Ổng thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch					Cái					
136	G03.136	Ổng thông can thiệp					Cái					
137	G03.137	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch					Cái					
138	G03.138	Vi ống thông có dây dẫn dùng trong can thiệp mạch					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
146	G03.146	Chỉ phẫu thuật polyamide đơn sợi số 3/0					Sợi					
147	G03.147	Chỉ phẫu thuật polyamide đơn sợi số 4/0					Sợi					
148	G03.148	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 5/0					Tép/ Sợi					
149	G03.149	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide số 6/0					Tép/ Sợi					
150	G03.150	Chỉ lạnh					Cuộn					
151	G03.151	Chỉ khâu không tiêu số 10/0					Sợi					
152	G03.152	Chỉ Polypropylene số 3/0					Sợi					
153	G03.153	Chỉ Polypropylene số 7/0					Sợi					
154	G03.154	Chỉ Polypropylene số 4/0					Sợi					
155	G03.155	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0					Sợi					
156	G03.156	Chỉ phẫu thuật Polyglycolic acid số 2/0					Sợi					
157	G03.157	Chỉ phẫu thuật Polyglycolic acid số 1/0					Sợi					
158	G03.158	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0					Sợi					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
159	G03.159	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0					Sợi					
160	G03.160	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid số 3/0					Sợi					
161	G03.161	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 4/0					Sợi					
162	G03.162	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp Polyglycolic acid số 2/0 Rapid					Sợi					
163	G03.163	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 6/0					Sợi					
164	G03.164	Chỉ tự tiêu Plain Catgut số 4/0					Sợi					
165	G03.165	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 5/0					Sợi					
166	G03.166	Chỉ phẫu thuật Polyglecaprone 25 số 1/0					Sợi					
167	G03.167	Chỉ thép đường kính 0.5 mm					Cuộn					
168	G03.168	Chỉ thép liên kim số 5					Cái					
		5.3 Dao phẫu thuật										
169	G03.169	Dao phẫu thuật 15 độ					Cái					
170	G03.170	Dao lạng mỏng					Chiếc					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
171	G03.171	Dao mổ phaco 2.8mm					Cái					
172	G03.172	Dao tạo đường hầm					Cái					
173	G03.173	Lưỡi dao mổ vô trùng các số					Cái					
174	G03.174	Tay dao mổ điện 3 giác					Cái					
175	G03.175	Dây cưa xương					Sợi/cái					
176	G03.176	Lưỡi dao cắt tiêu bản					Cái					
		6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo										
		6.2 Giá đỡ (stent)										
177	G03.177	Khung giá đỡ mạch máu					Cái					
178	G03.178	Khung giá đỡ mạch vành các cỡ					Cái					
179	G03.179	Stent nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus					Cái					
180	G03.180	Khung giá đỡ mạch vành Cobalt Chromium phủ thuốc sirolimus					Cái					
181	G03.181	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
182	G03.182	Khung giá đỡ mạch cảnh					Cái					
183	G03.183	Khung giá đỡ mạch ngoại biên - đường mật					Cái					
184	G03.184	Khung giá đỡ động mạch vành					Cái					
185	G03.185	Khung giá đỡ mạch vành					Cái					
186	G03.186	Giá đỡ can thiệp mạch máu					Cái					
187	G03.187	Khung giá đỡ can thiệp ống mật					Cái					
188	G03.188	Giá đỡ mạch thần kinh					Cái					
189	G03.189	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus					Cái					
190	G03.190	Giá đỡ mạch vành					Cái					
191	G03.191	Giá đỡ động mạch chủ bụng					Cái					
192	G03.192	Giá đỡ động mạch chủ ngực					Cái					
		6.3 Thủy tinh thể nhân tạo										
193	G03.193	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		6.4 Xương, sụn, khớp, gân nhân tạo										
		6.4.1. Phẫu thuật thay khớp										
194	G03.194	Bộ khớp háng bán phần không xi măng với ổ cối lưỡng cực					Bộ					
195	G03.195	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ TPS					Bộ					
196	G03.196	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ TPS					Bộ					
197	G03.197	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi Karey phủ Hydro Apatide toàn bộ, loại chôm to					Bộ					
198	G03.198	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE, chuỗi Karey phủ Hydro Apatide toàn bộ, loại chôm to.					Bộ					
199	G03.199	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài di động kép, kiểu chuỗi Karey R phủ Hydro Apatide.					Bộ					
200	G03.200	Bộ khớp háng toàn phần không xi chôm CoCr, lót vitamin E					Bộ					
201	G03.201	Bộ khớp háng toàn phần không xi chôm CoCr, lót liên kết ngang					Bộ					
202	G03.202	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ TPS (CoCr on PE)					Bộ					
203	G03.203	Khớp háng bán phần không xi măng di động kép, chuỗi Karey phủ Hydro					Bộ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
		Apatide.										
204	G03.204	Khớp gối toàn phần có xi măng PS/NPS.					Bộ					
205	G03.205	Bộ khớp gối toàn phần cố định bảo tồn dây chằng chéo					Bộ					
206	G03.206	Bộ khớp gối toàn phần cố định có trục cam chống trượt					Bộ					
		6.4.2 Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng khớp gối; vai										
207	G03.207	Chi siêu bền					Sợi					
208	G03.208	Lưỡi cắt đốt đơn cực bằng sóng radio					Cái					
209	G03.209	Lưỡi bào xương khớp					Cái					
210	G03.210	Lưỡi bào xương các loại					Cái					
211	G03.211	Vít treo dây chằng có thể điều chỉnh chiều dài					Cái					
212	G03.212	Vít chỉ neo PEEK cố định sụn viền					Cái					
213	G03.213	Vít chỉ neo may chóp xoay					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
214	G03.214	Dây dẫn nước phẫu thuật nội soi khớp					Cái					
		6.5 Miếng vá, mảnh ghép										
215	G03.215	Lưới vá sọ 60x80mm					Cái					
216	G03.216	Lưới vá sọ 100x100mm					Cái					
217	G03.217	Lưới vá sọ 120x120mm					Cái					
218	G03.218	Lưới vá sọ 150x150mm					Cái					
219	G03.219	Lưới vá sọ não kích thước 200x150mm					Cái					
220	G03.220	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 100x100mm)					Miếng g					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
221	G03.221	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 150x150mm)					Cái					
		7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa										
		7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp										
222	G03.222	Bộ Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch					Cái					
223	G03.223	Bộ dụng cụ hút huyết khối					Bộ					
224	G03.224	Dụng cụ mở đường vào động mạch					Bộ					
225	G03.225	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi					Bộ					
226	G03.226	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay					Bộ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
227	G03.227	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay loại ái nước					Bộ					
228	G03.228	Đầu thắt dẫn tĩnh mạch thực quản					Bộ					
229	G03.229	Bơm tiêm 200ml dùng cho máy bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng chụp DSA					Cái/Chiếc					
230	G03.230	Bộ bơm bóng có kết nối chữ Y					Bộ					
231	G03.231	Bóng nong van động mạch phổi, mạch máu áp lực trung bình loại VACS II					Cái					
232	G03.232	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc					Cái					
233	G03.233	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc					Cái					
234	G03.234	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
235	G03.235	Bóng nong động mạch ngoại biên trên dây 0.018" và 0.035"					Cái					
236	G03.236	Bóng nong mạch ngoại vi					Cái					
237	G03.237	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chịu áp lực cực đại					Cái					
238	G03.238	Bóng nong động mạch vành áp lực cao					Cái					
239	G03.239	Bóng nong mạch vành các cỡ					Cái					
240	G03.240	Bóng nong động mạch vành không phủ thuốc					Cái					
241	G03.241	Bóng nong động mạch vành					Cái					
242	G03.242	Bóng nong động mạch vành áp lực cao					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
243	G03.243	Bóng nong mạch vành loại áp lực cao					Cái					
244	G03.244	Bóng nong mạch vành					Cái					
245	G03.245	Bóng nong mạch vành áp lực trung bình 26atm					Cái					
246	G03.246	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường					Cái					
247	G03.247	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế					Cái					
248	G03.248	Dây dẫn áp lực cao					Cái					
249	G03.249	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh					Cái					
250	G03.250	Dây dẫn đường cho catheter					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
251	G03.251	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch					Cái					
252	G03.252	Dây dẫn hướng hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại vi					Cái					
253	G03.253	Dây dẫn đường ái nước					Cái					
254	G03.254	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên					Cái					
255	G03.255	Dụng cụ lấy dị vật					Cái					
256	G03.256	Keo dán mô					Lọ					
257	G03.257	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời.					Cái					
258	G03.258	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng					Bộ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
259	G03.259	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng					Bộ					
260	G03.260	Vật liệu nút mạch					Lọ					
261	G03.261	Vật liệu nút mạch, 2ml					Lọ					
262	G03.262	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan, 2ml					Ổng					
263	G03.263	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan					Lọ					
264	G03.264	Vi dây dẫn đường					Cái					
265	G03.265	Dây dẫn đường cho bóng và stent					Cái					
266	G03.266	Vòng xoắn kim loại nút mạch					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
267	G03.267	Phim dùng cho chụp X-quang y tế (25x30 cm)					Tờ					
268	G03.268	Phim X-quang khô laser 25x30CM (10x12IN)					Tờ					
269	G03.269	Phim X-Quang khô dùng cho máy in laser cỡ (35x43)cm					Tờ					
270	G03.270	Phim X-quang dùng trong y tế loại SD-Q2, cỡ 14" x 17" (35x43 cm)					Tờ					
271	G03.271	Phim dùng cho chụp X-quang y tế (35x43cm)					Tờ					
		7.2 Lọc máu, lọc màng bụng										
272	G03.272	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương					Bộ					
273	G03.273	Bộ quả lọc máu liên tục					Bộ					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
274	G03.274	Quả lọc máu HDF online					Quả					
275	G03.275	Quả lọc thận nhân tạo 1.7m ²					Quả					
276	G03.276	Quả lọc thận nhân tạo 1.8m ²					Quả					
277	G03.277	Quả lọc thận nhân tạo 1.3m ²					Quả					
278	G03.278	Quả lọc dung dịch thẩm phân tách siêu sạch					Quả					
279	G03.279	Quả lọc dịch					Quả					
280	G03.280	Quả lọc thận diện tích bề mặt 0.9m ²					Quả					
281	G03.281	Quả lọc thận diện tích bề mặt 1.1m ²					Quả					

[illegible]

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
287	G03.287	Ống thông đường tiểu (Sonde Nelaton các số)					Cái					
		7.6 Chấn thương, chỉnh hình										
		7.6.1 Bộ dụng cụ đồ xi măng										
288	G03.288	Bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống loại không bóng					Bộ					
		7.6.2 Đinh, nẹp, vít										
289	G03.289	Nẹp mini titan 4 lỗ					Cái					
290	G03.290	Nẹp mini titan 6 lỗ					Cái					
291	G03.291	Nẹp mini titan 16 lỗ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
292	G03.292	Nẹp mini titan cong 4 lỗ					Cái					
293	G03.293	Nẹp mini titan cong 6 lỗ					Cái					
294	G03.294	Đinh Kitsne					Cái					
295	G03.295	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện, Chất liệu Titanium					Cái					
296	G03.296	Đinh nội tủy rỗng nòng xương đùi đa phương diện, Chất liệu Titanium					Cái					
297	G03.297	Đinh Steinman các cỡ					Cái					
298	G03.298	Đinh Schanz các cỡ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
299	G03.299	Nẹp khóa thẳng 1.5mm, chất liệu titanium					Cái					
300	G03.300	nẹp khóa chữ Y (nẹp bàn ngón), vít 1.5mm, chất liệu titanium các cỡ					Cái					
301	G03.301	Nẹp khóa thẳng, vít 2.0mm, chất liệu titanium					Cái					
302	G03.302	Nẹp khóa chữ Y, vít 2.0mm, chất liệu titanium các cỡ					Cái					
303	G03.303	Nẹp bàn ngón chữ L nhỏ phải các cỡ					Cái					
304	G03.304	Nẹp bàn ngón chữ L nhỏ trái các cỡ					Cái					
305	G03.305	Nẹp bàn ngón chữ T nhỏ phải các cỡ					Cái					
306	G03.306	Nẹp khóa bàn ngón chữ Y, các cỡ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
307	G03.307	Nẹp khóa bàn ngón thẳng, các cỡ					Cái					
308	G03.308	Nẹp khóa mắt xích. Chất liệu titanium					Cái					
309	G03.309	Nẹp khóa bản nhỏ mỏng, dày 3.0mm					Cái					
310	G03.310	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm các cỡ, Chất liệu Titanium					Cái					
311	G03.311	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài					Cái					
312	G03.312	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại ngắn					Cái					
313	G03.313	Nẹp khóa đầu dưới xương quay chữ T các cỡ, có nén ép. Chất liệu titanium					Cái					
314	G03.314	Nẹp khóa mỏm khuỷu có nén ép. Chất liệu titanium					Cái					
315	G03.315	Nẹp khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ, Chất liệu titanium					Cái					
316	G03.316	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ, Chất liệu Titanium					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
317	G03.317	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên, Chất liệu Titanium					Cái					
318	G03.318	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ					Cái					
319	G03.319	Nẹp khóa bản rộng lỗ kép loại nén ép. Chất liệu titanium					Cái					
320	G03.320	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, Chất liệu titanium					Cái					
321	G03.321	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, có nén ép. Chất liệu titanium					Cái					
322	G03.322	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài					Cái					
323	G03.323	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài					Cái					
324	G03.324	Nẹp khóa xương gót chân các loại. Chất liệu titanium					Cái					
325	G03.325	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các cỡ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
326	G03.326	Nẹp khóa nén ép ít tiếp xúc, bản nhỏ, các cỡ					Cái					
327	G03.327	Nẹp khóa mắt xích thẳng, các cỡ					Cái					
328	G03.328	Nẹp khóa đầu dưới xương quay chữ T, các cỡ					Cái					
329	G03.329	Nẹp khóa đầu dưới trong xương cánh tay, các cỡ					Cái					
330	G03.330	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại ngắn, các cỡ					Cái					
331	G03.331	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại dài, các cỡ					Cái					
332	G03.332	Nẹp khóa nén ép ít tiếp xúc, bản hẹp, các cỡ					Cái					
333	G03.333	Nẹp khóa đầu dưới trong xương chày trái các cỡ					Cái					
334	G03.334	Nẹp khóa đầu dưới trong xương chày phải các cỡ					Cái					
335	G03.335	Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày trái ít tiếp xúc các cỡ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
336	G03.336	Nẹp khóa đầu trên ngoài xương chày phải ít tiếp xúc các cỡ					Cái					
337	G03.337	Nẹp khóa đầu trên trong xương chày trái các cỡ					Cái					
338	G03.338	Nẹp khóa đầu trên trong xương chày phải các cỡ					Cái					
339	G03.339	Nẹp khóa nén ép ít tiếp xúc, bản rộng, các cỡ					Cái					
340	G03.340	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái các cỡ					Cái					
341	G03.341	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi phải các cỡ					Cái					
342	G03.342	Nẹp khóa xương gót chân trái các cỡ					Cái					
343	G03.343	Nẹp khóa xương gót chân phải các cỡ					Cái					
344	G03.344	Nẹp khóa nén ép môm khuỷu, các cỡ					Cái					
345	G03.345	Nẹp khóa nén ép đầu dưới ngoài xương cánh tay, các cỡ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
346	G03.346	Nẹp khóa mắt xích mặt trước trên xương đòn trái các cỡ					Cái					
347	G03.347	Nẹp khóa mắt xích mặt trước trên xương đòn phải các cỡ					Cái					
348	G03.348	Nẹp khóa đầu dưới xương mác trái các cỡ					Cái					
349	G03.349	Nẹp khóa đầu dưới xương mác phải các cỡ					Cái					
350	G03.350	Nẹp khóa đầu dưới ngoài xương chày trái các cỡ					Cái					
351	G03.351	Nẹp khóa đầu dưới ngoài xương chày phải các cỡ					Cái					
352	G03.352	Nẹp khóa nén ép đầu trên xương đùi, các cỡ					Cái					
353	G03.353	Nẹp dọc các loại					Cái					
354	G03.354	Nẹp tròn đóng nắp sọ					Cái					
355	G03.355	Nẹp khóa xương đòn chữ S (Ti) trái 6 lỗ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
356	G03.356	Nẹp khóa xương đòn chữ S (Ti) phải 6 lỗ					Cái					
357	G03.357	Nẹp khóa móc xương đòn (Ti) trái 6 lỗ					Cái					
358	G03.358	Nẹp khóa móc xương đòn (Ti) phải 6 lỗ					Cái					
359	G03.359	Nẹp dọc cột sống (Rod)					Cái					
360	G03.360	ỐC vít khóa trong dùng cho vít đơn trục và đa trục					Cái					
361	G03.361	Vít khóa đường kính 1.5mm					Cái					
362	G03.362	Vít khóa đường kính 2.0mm. Chất liệu titanium					Cái					
363	G03.363	Vít xương cứng 2.0mm tự taro, các cỡ					Cái					
364	G03.364	Vít khóa 2.0mm tự taro, các cỡ					Cái					
365	G03.365	Vít khóa đường kính 3.5mm , Chất liệu Titanium					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
366	G03.366	Vít xương cứng 3.5mm, tự taro. Chất liệu titanium					Cái					
367	G03.367	Vít khóa đường kính 2.7mm , Chất liệu Titanium					Cái					
368	G03.368	Vít khóa đường kính 5.0mm , Chất liệu Titanium					Cái					
369	G03.369	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro , Chất liệu Titanium					Cái					
370	G03.370	Vít xóp đường kính 4.0mm , Chất liệu Titanium					Cái					
371	G03.371	Vít xóp rỗng, titan, các cỡ					Cái					
372	G03.372	Vít xương xóp đường kính 6.5mm. Chất liệu titanium					Cái					
373	G03.373	Vít xóp rỗng nòng 2 bước ren các cỡ					Cái					
374	G03.374	Vít khóa 3.5mm tự taro, các cỡ					Cái					
375	G03.375	Vít xương cứng 2.7mm tự taro, các cỡ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
376	G03.376	Vít xương cứng 3.5mm tự taro, các cỡ					Cái					
377	G03.377	Vít khóa 5.0mm tự taro, các cỡ					Cái					
378	G03.378	Vít xương cứng 4.5mm tự taro, các cỡ					Cái					
379	G03.379	Vít chốt khóa 4.5mm					Cái					
380	G03.380	Vít nắp đỉnh dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng Neogen					Cái					
381	G03.381	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng Neogen					Cái					
382	G03.382	Vít đa trục các loại					Cái					
383	G03.383	Vít ốc khóa trong					Cái					
384	G03.384	Vít xương sọ tự khoan Ø1.6					Cái					
385	G03.385	Vít xương sọ tự khoan Ø 2.0					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
386	G03.386	Vít khóa Titanium đk 3.5mm, các cỡ					Cái					
387	G03.387	Vít mini titan (Dạng tự khoan)					Cái					
388	G03.388	Vít đa trục cột sống thắt lưng các cỡ					Cái					
389	G03.389	Vít xương mini 2.0					Cái					
390	G03.390	Vít mini titan 1.6; 2.0 (tự taro, tự khoan)					Cái					
391	G03.391	Thanh luồn dưới da (Dùng cho bộ dẫn lưu não thất ổ bụng)					Bộ					
		8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác										
392	G03.392	Giấy thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiết khuẩn dụng cụ y tế					Hộp					
393	G03.393	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiết khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55m					Cuộn					
394	G03.394	Giấy tẩm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiết khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước					Gói					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
395	G03.395	Chỉ thị hóa học kiểm tra Bowie-Dick					Hộp					
396	G03.396	Túi camera nilon vô trùng					Cái					
397	G03.397	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài người lớn (kèm theo catheter dẫn lưu não thất)					Bộ					
398	G03.398	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng áp lực trung bình					Bộ					
399	G03.399	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài tiêu chuẩn					Bộ					
400	G03.400	Đầu côn vàng					Cái					
401	G03.401	Đầu côn xanh					Cái					
402	G03.402	Đè lưỡi gỗ sử dụng một lần					Cái					
403	G03.403	Điện cực tim					Cái					
404	G03.404	Clip kẹp mạch máu chất liệu Polymer các cỡ					Miếng					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(model)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
405	G03.405	Clip kẹp mạch máu Titanium các cỡ					Miễn g					
406	G03.406	Kẹp rốn					Cái					
407	G03.407	Kìm sinh thiết nóng					Cái					
408	G03.408	Clip cầm máu loại tay cầm					Cái					
409	G03.409	Ngáng miệng					Cái					
410	G03.410	Mặt nạ xông khí dung					Bộ					
411	G03.411	Mask thanh quản 2 nòng					Cái					
412	G03.412	Mặt nạ thở oxy có túi					Cái					
413	G03.413	Mũi khoan xương					Cái					
414	G03.414	Mũi khoan xương các cỡ, Vật liệu thép không gỉ					Cái					

STT	MHH	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Chủng loại(m odel)/ mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật/ Quy cách đóng gói	Hãng sx/ nước sx	Đơn vị tính	Đơn giá (đã có VAT)	Thông tin đã trúng thầu		Thông tin kê khai giá	
									Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng, nơi trúng thầu	Giá kê khai	Mã kê khai
415	G03.415	Filter lọc khuẩn cho đường thở (Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp)					Cái					
416	G03.416	Filter lọc khuẩn 1 chức năng (thở máy, gây mê)					Cái					
417	G03.417	Bộ gây tê ngoài màng cứng					Bộ					
418	G03.418	Nút cao su đầu trocar 6mm, loại mới, dày, màu trắng					Chiếc					
419	G03.419	Nút cao su đầu trocar 11mm, loại mới, dày, màu trắng					Chiếc					
	Tổng số: 419 Mặt hàng											

Ghi chú: Báo giá này có giá trị trong vòng..... ngày kể từ ngày ký./.

....., ngày tháng năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)